

ĐIỀU HÀNH

chính sách tỷ giá của Việt Nam



nhằm thúc đẩy xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu

Tỷ giá là công cụ quản lý vĩ mô quan trọng của Chính phủ các nước

TS. Nguyễn Thị Kim Thanh *

Từ năm 2002 đến nay, thâm hụt thương mại của Việt Nam gia tăng mang tính hệ thống. Thâm hụt thương mại gia tăng là gánh nặng đối với cán cân thanh toán quốc tế và làm cho tài khoản vãng lai rơi vào tình trạng thâm hụt. Năm 2007, thâm hụt tài khoản vãng lai lên tới 6,9 tỷ USD; năm 2008, là 9 tỷ USD; năm 2009 là 7,3 tỷ USD; năm 2010 khoảng 5,5 tỷ USD. Thâm hụt tài khoản vãng lai lớn, trong khi cán cân vốn không đủ bù đắp đã ảnh hưởng xấu đến dự trữ ngoại hối và đặc biệt làm cho tỷ giá thiếu cơ sở để ổn định. Hiện thâm hụt tài khoản vãng lai trong những năm qua gia tăng chủ yếu do thâm hụt thương mại lớn. Trong hoàn cảnh đó, cần thiết phải thúc đẩy xuất khẩu để thu về ngoại tệ, cùng với hạn chế nhập khẩu để giảm dần thâm hụt cán cân thương mại. Để làm được điều này, cần phải thực

hiện nhiều giải pháp chính sách đồng bộ để giải quyết những vấn đề căn nguyên làm tăng thâm hụt thương mại, trong đó, chính sách tỷ giá là một giải pháp để góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu, song vấn đề đặt ra, chính sách tỷ giá cần được điều hành như thế nào để giải pháp này phát huy hiệu quả nhất?

Về nguyên lý, tỷ giá hối đoái thay đổi sẽ làm thay đổi mức giá tương đối của hàng hoá và dịch vụ bằng đồng tiền trong nước và đồng tiền nước ngoài, nên tỷ giá sẽ có ảnh hưởng nhất định đến xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, do tỷ giá có tác động không chỉ đến xuất nhập khẩu mà nó có tác động đến lạm phát và ổn định thị trường tài chính. Chính vì vậy, tỷ giá là một công cụ quản lý vĩ mô rất quan trọng của chính phủ các nước, và khi sử dụng công cụ này trong quản lý vĩ mô, có hai vấn đề quan

trọng mà các nhà hoạch định chính sách các nước đều phải xem xét khi quyết định cơ chế điều hành tỷ giá đó là ảnh hưởng của tỷ giá đến ổn định vĩ mô và ảnh hưởng của tỷ giá đến xuất nhập khẩu.

Đánh giá mức độ ảnh hưởng của tỷ giá đến việc tăng khả năng xuất khẩu của Việt Nam còn có những hạn chế nhất định, do trong cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là hàng nông thủy sản, sản phẩm tài nguyên, như dầu thô, cao su... Thêm vào đó, trong cấu thành các mặt hàng xuất khẩu, nguyên liệu nhập khẩu chiếm tỷ trọng đến 70% là giá trị hàng nhập khẩu. Mặt khác, xuất khẩu của Việt Nam cũng như các nước khác chịu tác động rất nhiều của các yếu tố như: thuế xuất khẩu, mức giá cả hàng hoá trong nước và nước ngoài, năng suất lao

* Viện Chiến lược Ngân hàng, NHNN



Chính sách tỷ giá là một giải pháp góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu

động của ngành hàng xuất khẩu, cơ cấu hàng xuất, chất lượng và mức độ đa dạng hoá chủng loại, công tác tiếp thị, xúc tiến thương mại... Trong cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam thì dầu thô, hàng dệt may, thủy sản và gạo chiếm tỷ trọng tương đối lớn (khoảng gần 40%), mà giá trị xuất khẩu của các mặt hàng này chủ yếu dựa vào kết quả của hoạt động sản xuất và khả năng chiếm lĩnh thị trường quốc tế hơn là tỷ giá hối đoái. Do vậy, một sự giảm giá VND không chắc đã làm tăng khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu. Bởi năng lực cạnh tranh của hàng xuất khẩu chịu tác động bởi nhiều yếu tố đan xen nhau. Bên cạnh đó, năng lực

sản xuất hàng hóa thay thế nhập khẩu và hàng hóa đủ tiêu chuẩn xuất khẩu ở Việt Nam đều còn hạn chế.

Tuy nhiên, phân tích từng lĩnh vực xuất nhập khẩu cụ thể, nếu VND lên giá thì một số lĩnh vực cũng bị ảnh hưởng, nhưng tựu chung lại là tác động không lớn. Chẳng hạn khối doanh nghiệp xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản là nhóm hàng chủ yếu sản xuất ở trong nước chịu tác động bất lợi hơn so với các doanh nghiệp sản xuất hàng gia công chế biến, lắp ráp linh kiện điện tử. Khối khai thác dầu khí chịu bất lợi khi VND lên giá, nhưng do giá thế giới lên cao, nên tác động không lớn.

Trong khi đó, tỷ giá đang có

những ảnh hưởng tương đối lớn đến ổn định vĩ mô ở khía cạnh gây ra lạm phát kỳ vọng và ổn định thị trường ngoại hối. Thực tế hiện nay, nền kinh tế đang phải đối mặt với áp lực lạm phát và sự bất ổn của thị trường ngoại hối. Chính vì vậy, Chính phủ đã có những biện pháp quyết liệt để ngăn chặn lạm phát và bình ổn thị trường ngoại hối (Nghị quyết số 11/ NQ-CP, ngày 24/2/2011). Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trong kỳ họp Chính phủ tháng 2/2011 đã chỉ đạo trong thời gian trước mắt, phải giữ cho được ổn định tỷ giá để ổn định kinh tế vĩ mô và bình ổn thị trường ngoại hối.

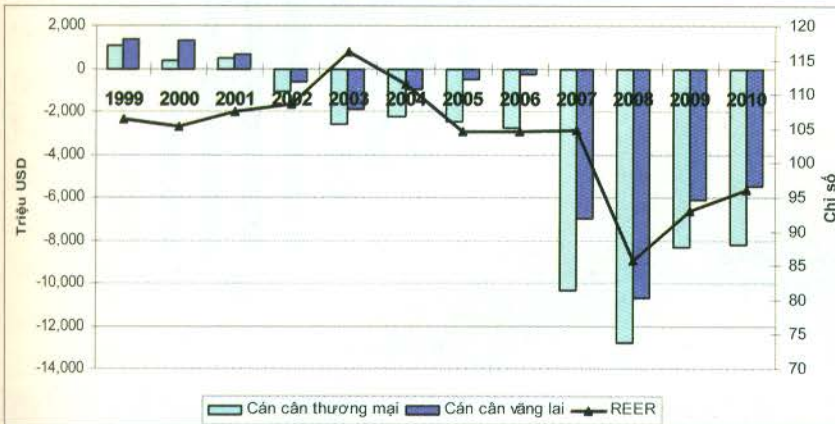
Từ thực tế như vậy, việc điều

Bảng 1: Tỷ trọng các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	T2/2011
Thủy sản	8.50%	8.49%	7.84%	7.25%	7.45%	6.95%	5.95%
Gạo	4.34%	3.30%	3.00%	4.61%	4.67%	4.50%	4.96%
Dầu thô	22.92%	21.02%	17.52%	16.61%	10.85%	6.87%	7.95%
Cao su	2.44%	3.21%	2.89%	2.54%	2.15%	3.31%	4.31%
Gỗ và sản phẩm gỗ	4.71%	4.81%	4.89%	4.42%	4.55%	4.76%	4.44%
Dệt, may	14.91%	14.65%	16.09%	14.48%	15.88%	15.53%	17.46%
Giày dép	9.32%	8.98%	8.19%	7.47%	7.12%	7.10%	7.49%
Điện tử, máy tính	4.47%	4.47%	4.50%	4.30%	4.84%	4.97%	4.29%

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Biểu đồ 1: Tỷ giá thực đa phương và cán cân thương mại của Việt Nam giai đoạn 1999 - 2010



(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước và tính toán của Viện Chiến lược Ngân hàng)

hàng tỷ giá nhằm thúc đẩy xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu là vấn đề mang tính trung hạn.

Về mặt lý thuyết, cơ chế tỷ giá có thể tác động đến xuất nhập khẩu qua 3 kênh. Thứ nhất, chính sách tỷ giá có thể tác động trực tiếp đến các dòng thương mại, từ đó dẫn đến áp lực phải can thiệp bằng các chính sách thương mại như trợ giá hoặc thuế quan. Kênh thứ hai là thông qua tác động chung của chính sách tỷ giá đến cán cân thanh toán nói chung. Kênh cuối cùng là thông qua tác động gián tiếp của chính sách tỷ giá đến tăng trưởng và lạm phát trong nước.

Kênh thứ nhất, như thường thấy, thay đổi tỷ giá danh nghĩa sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các nhà xuất khẩu biên (marginal exporters) hoặc các nhà sản xuất hàng thay thế hàng xuất khẩu, các nhóm lợi ích này có thể sẽ gây áp lực buộc Chính phủ phải gia tăng bảo hộ đối với ngành nghề của họ. Tuy nhiên, đây chỉ là một phần nhỏ của câu chuyện vì bản thân Chính phủ cũng có thể nghiêng về hướng gia tăng bảo hộ thương mại, vì cả tỷ giá danh nghĩa lẫn các biện pháp kỹ thuật hạn chế nhập khẩu hiện hữu có thể chưa đủ để đảm bảo cân bằng tài khoản vãng lai. Lý do chính là vì tài khoản vãng lai không chịu ảnh hưởng bởi tỷ giá

danh nghĩa mà là tỷ giá thực hiệu quả (REER) khi tỷ giá thực hiệu quả được dùng để xác định giá tương đối của hàng hóa và dịch vụ có thể trao đổi thương mại (tradable goods) với các hàng hóa và dịch vụ sản xuất và tiêu thụ trong nước và không dễ thay thế bằng hàng nhập khẩu hoặc xuất sang nước khác (non-tradable goods). Theo Krueger (1997) và Corden (1991), tỷ lệ cân bằng tài khoản vãng lai liên quan chặt chẽ với mức tiêu dùng trong nước thực tế và tỷ giá thực hiệu quả. Nghĩa là, trong những trường hợp nhất định, tỷ giá danh nghĩa không đảm bảo bảo hộ hiệu quả các ngành trong nước và dẫn đến thâm hụt cán cân vãng lai ngày càng nghiêm trọng. Vì vậy, Krueger và Corden đã cảnh báo về nguy cơ tự do thương mại không đi kèm bằng các chính sách tỷ giá hiệu quả, chẳng hạn như phá giá nội tệ.

Kênh thứ hai, vận hành qua tác động của tỷ giá đến sự thay đổi của các luồng vốn. Sự bất ổn của các luồng vốn không nhất thiết phải được hiểu theo nghĩa là sự biến động tuyệt đối mà là độ dao động từ mức vốn cần thiết để bù đắp cho thâm hụt tài khoản vãng lai. Đây vẫn là chủ đề còn nhiều bàn cãi (xem Frenkel 1996, pp.153-54). Tuy nhiên, cuộc tranh luận về tác động của các biện

pháp hạn chế tài khoản vốn đối với tỷ giá thực đã ngã ngũ qua nghiên cứu của Mussa (1984), khi tác giả phát hiện ra rằng các biện pháp này có tác động không đáng kể đến tỷ giá thực dài hạn, mà chỉ có tác động đáng kể đến sự phản ứng của tỷ giá thực đối với các biến động kinh tế vĩ mô.

Kênh thứ ba, vận hành thông qua tác động của chính sách tỷ giá đến tình hình kinh tế vĩ mô qua các biến vĩ mô chính như tăng trưởng và lạm phát. Trước tình hình kinh tế vĩ mô không mấy sáng sủa có thể một phần do cơ chế tỷ giá gây ra, cả Chính phủ lẫn doanh nghiệp đều có thể có áp lực phải điều chỉnh chính sách thương mại để cải thiện cán cân thanh toán.

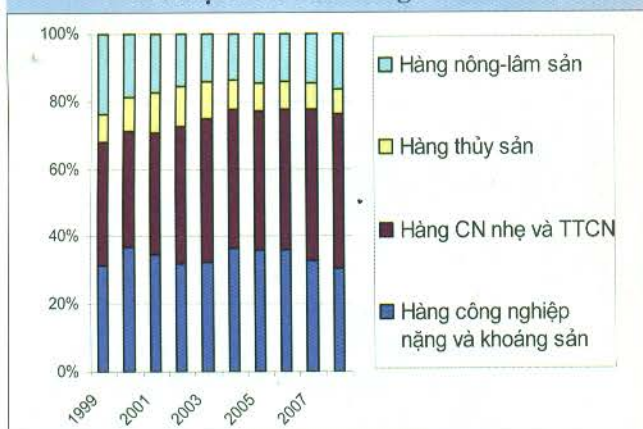
Vì vậy, khi nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ giá đến xuất nhập khẩu, cần xem xét hai biến số cơ bản là hệ số co giãn của xuất nhập khẩu với tỷ giá và tỷ giá thực hiệu quả (so sánh mức độ cạnh tranh của hàng hóa trong nước với rõ hàng hóa của nhiều nước khác nhau).

Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ giá thực hiệu quả (REER) đến cán cân thương mại của Việt Nam từ năm 2000 - 2010 cho thấy có mối quan hệ tương đối chặt chẽ.

Lý thuyết đã chứng minh, khi chỉ số tỷ giá thực REER > 1, nghĩa là tỷ giá thực tăng, VND giảm giá thực và sức cạnh tranh thương mại quốc tế của Việt Nam được cải thiện. Ngược lại, khi chỉ số REER < 1, nghĩa là tỷ giá thực giảm, VND lên giá thực và sức cạnh tranh thương mại quốc tế của Việt Nam bị xói mòn.

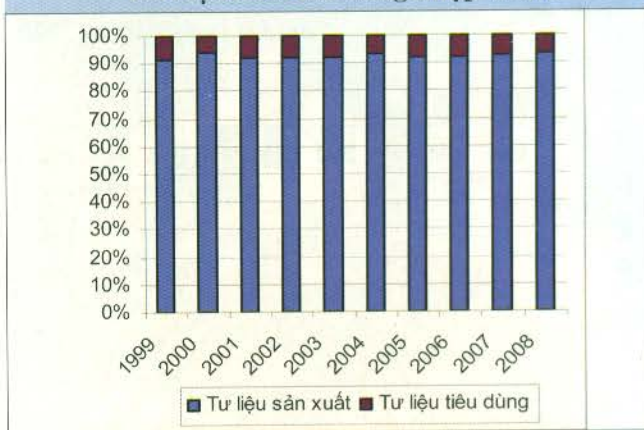
Xem xét thống kê giữa biến động của tỷ giá thực REER và thâm hụt cán cân thương mại giai đoạn 2000 - 2010 cho thấy có sự liên quan chặt chẽ giữa hai yếu tố này. Biểu đồ 1 cho thấy tỷ giá thực có tác động nhất định đến cán cân thương mại, hay nói cách khác, có ảnh hưởng đến xuất nhập khẩu. Trong giai đoạn 1999 - 2003, tỷ giá thực có xu

Đồ thị 2: Cơ cấu hàng xuất khẩu



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Đồ thị 3: Cơ cấu hàng nhập khẩu



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

hướng tăng, điều này phù hợp với cân cân thương mại giai đoạn này được cải thiện, thậm chí là thặng dư chút ít trong một số năm. Tuy nhiên, từ năm 2004 đến nay, tỷ giá thực có xu hướng giảm nên về lý thuyết, sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh thương mại quốc tế của Việt Nam. Và thực tế thâm hụt cán cân thương mại ngày càng tăng trong giai đoạn này cũng phần nào chứng minh cho mối quan hệ này.

Như vậy, sự biến động về thâm hụt cán cân thương mại qua 2 giai đoạn 2000 - 2003 và 2004 - 2010 đã chịu những tác động nhất định của tỷ giá thực: khi chỉ số REER tăng thì thâm hụt cán cân thương mại được cải thiện, và khi chỉ số REER giảm mức độ thâm hụt cán cân

thương mại tăng lên. Điều đó chứng tỏ tỷ giá thực hiệu quả có tác động nhất định đến xuất nhập khẩu.

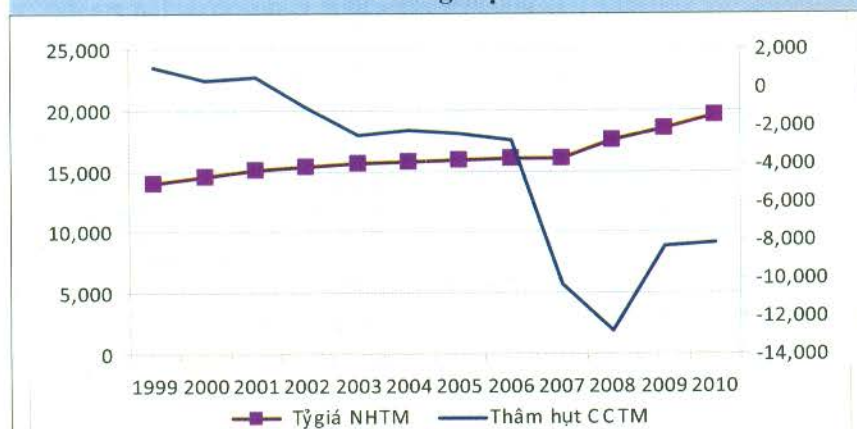
Do tỷ giá thực hiệu quả có tác động nhất định đến xuất nhập khẩu theo phân tích ở trên nên câu hỏi đặt ra ở đây là biện pháp phá giá có ảnh hưởng như thế nào đến việc giải quyết tình trạng thâm hụt cán cân thương mại. Để đánh giá tác động của phá giá đối với cân bằng cán cân thương mại có thể sử dụng kết quả ước lượng từ hệ số co giãn.

Trong giai đoạn 1989 - 2000, Luận án tiến sĩ kinh tế cấp nhà nước được thực hiện năm 2002 bởi nghiên cứu sinh Dương Thị Thanh Mai “Vận dụng mô hình phân tích chính sách tỷ giá ở Việt Nam” ước lượng hệ số co giãn cầu xuất nhập khẩu của

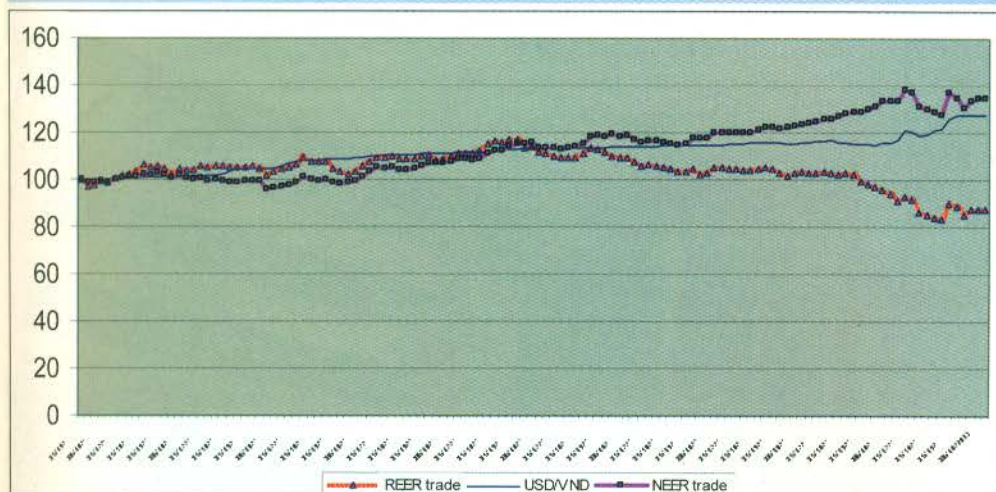
Việt Nam đối với tỷ giá hối đoái thực cho kết quả < 1 . Cụ thể độ co giãn của cầu xuất nhập khẩu đối với tỷ giá thực bằng 0,227. Do vậy, sự thay đổi của tỷ giá thực trong giai đoạn này không có tác động đến xuất nhập khẩu. Kết quả kiểm định này cũng phù hợp với cơ cấu xuất nhập khẩu của Việt Nam tập trung chủ yếu là các mặt hàng ở dạng thô hoặc sơ chế và những mặt hàng chế biến có tỷ trọng nguồn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu cao, còn cơ cấu nhập khẩu chủ yếu vẫn là tư liệu sản xuất của giai đoạn từ năm 1989 - 2000.

Trong giai đoạn tiếp theo từ 2000 đến nay, cơ cấu xuất nhập khẩu đã có sự thay đổi đáng kể. Cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam trong những năm gần đây đã có sự thay đổi theo hướng tích cực. Theo báo cáo của MUTRAP (2008)⁽¹⁾, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình các mặt hàng chế biến cao hơn tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa trung bình khoảng 1 điểm phần trăm. Do vậy, tỷ trọng của xuất khẩu nhóm hàng này trong tổng lượng hàng hóa xuất khẩu tăng từ 46,8% năm 2000 lên 49,6% năm 2005 và 51,1% năm 2007. Cơ cấu nhập khẩu cũng có sự thay đổi theo xu hướng tích cực. Do đó, hệ số co giãn của cầu xuất nhập khẩu theo tỷ giá trong giai đoạn sau có thể đã có những thay đổi đáng kể

Đồ thị 4: Mối quan hệ giữa tỷ giá danh nghĩa với thâm hụt thương mại



Đồ thị 5: Mối quan hệ giữa REER⁽²⁾ và tỷ giá danh nghĩa



và tiến gần đến 1.

Như vậy, kiểm nghiệm hệ số co giãn cầu xuất nhập khẩu Việt Nam có thể rút ra kết luận việc giảm giá đồng nội tệ với điều kiện hiện tại của Việt Nam trong ngắn hạn, có thể sẽ không cải thiện đáng kể cán cân thương mại. Nhưng nếu chính sách tỷ giá được thực hiện với sự hỗ trợ từ các chính sách vĩ mô khác để tái cơ cấu nền kinh tế và tái cơ cấu lại hoạt động xuất nhập khẩu trong dài hạn thì sẽ có thể cải thiện được cán cân thương mại.

Qua nghiên cứu tác động của REER đến xuất nhập khẩu cho thấy, REER có ảnh hưởng đáng kể đến xuất nhập khẩu, đặc biệt khi có sự thay đổi trong cơ cấu xuất nhập khẩu. Do đó, việc thực hiện chính sách tỷ giá cần kết hợp với các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm chuyển đổi cơ cấu xuất nhập khẩu theo hướng hiện đại hóa, từ đó, đảm bảo cải thiện được cán cân thương mại trong dài hạn.

Chính sách tỷ giá của Việt Nam trong thời gian qua cho thấy, ảnh hưởng của tỷ giá danh nghĩa chưa rõ nét trong việc tác động đến xuất nhập khẩu, trong khi đó, tỷ giá thực hiệu quả lại có tác động rất rõ nét đến thâm hụt thương mại. Điều này chứng tỏ tỷ giá danh nghĩa chưa sát với tỷ giá thực hiệu quả. Bởi mục tiêu điều hành tỷ giá trong thời gian

qua được coi là công cụ để neo lạm phát có tính đến yếu tố khuyến khích xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu.

Dựa trên cơ sở lý luận cũng như thực tế về tác động của tỷ giá hối đoái đến xuất nhập khẩu và tình hình vĩ mô hiện nay Việt Nam đang phải đối mặt, nguy cơ lạm phát gia tăng, thì chính sách tỷ giá cần đưa ra mục tiêu điều hành rõ ràng. Trong thời gian hiện nay, nên theo đuổi mục tiêu ổn định tỷ giá, song điều hành tỷ giá danh nghĩa nên bám sát tỷ giá thực hiệu quả, điều đó từng bước tạo điều kiện cho tỷ giá trở thành công cụ khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu trong trung hạn.

Tuy nhiên, trong trung hạn, tỷ giá cần trở thành công cụ hỗ trợ tích cực trong việc cải thiện cán cân thương mại, tăng khả năng cạnh tranh trong xuất khẩu, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Mục tiêu này chỉ có thể đạt ra khi nền kinh tế đã đạt được những điều kiện nhất định:

- Tiềm lực tài chính của quốc gia đã đủ mạnh;
- Thị trường tài chính phát triển đầy đủ và vận hành ổn định;
- Tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế được kiểm soát, lạm phát ở mức ổn định;
- Cơ cấu xuất nhập khẩu có sự thay đổi căn bản, theo hướng xuất khẩu các mặt hàng tinh chế, tỷ trọng

xuất khẩu các mặt hàng thô giảm, giá trị hàng xuất được hình thành chủ yếu bằng nguyên, vật liệu trong nước.

Nếu như các điều kiện trên đều được thỏa mãn thì để tỷ giá trở thành công cụ hỗ trợ tích cực trong việc cải thiện cán cân thương mại, tăng khả năng cạnh tranh trong xuất khẩu, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế thì nên định giá VND theo hướng thấp hơn giá

trị của nó. Điều này, sẽ tăng khả năng cạnh tranh quốc tế của doanh nghiệp xuất khẩu và các doanh nghiệp cạnh tranh với nhập khẩu, từ đó, đảm bảo tính bền vững của cán cân thanh toán nói riêng và tăng trưởng kinh tế nói chung. Đặc biệt, các doanh nghiệp xuất khẩu có tỷ lệ đầu vào của các nguyên vật liệu trong nước trong cơ cấu sản phẩm xuất khẩu cao - điều mà Việt Nam muốn khuyến khích - càng được lợi từ chính sách tỷ giá cạnh tranh này. ■

⁽¹⁾ MUTRAP, Đánh giá tác động tổng thể khi Việt Nam trở thành thành viên WTO đến thay đổi xuất nhập khẩu và thể chế, Hà Nội, 2008

⁽²⁾ REER được tính năm gốc là năm 1999, với 19 đối tác thương mại chính của Việt Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thông tin trên trang Web của Ngân hàng Nhà nước.
- Thông tin trên trang Web của Tổng cục Thống kê.
- Tỷ giá hối đoái và các nguyên lý kinh tế cơ bản: Khuôn khổ phân tích, của IMF.
- NCS Dương Thị Thanh Mai "Vận dụng mô hình phân tích chính sách tỷ giá ở Việt Nam", Luận án tiến sĩ kinh tế (2002).